

Bản án số:65/2021/HS- ST

Ngày 27-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiềm

Ông Trần Anh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Ông Giáp Văn Hùng - Kiểm sát viên .

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2021/TLST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2021/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Trần Văn S, sinh năm 1979

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKH và chỗ ở: kh, phường H, thành phố M, tỉnh Q; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Á và bà: Nguyễn Thị M; vợ: Lưu Thị Th (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2010; tiền án: Tại bản án số 26/2012/HSST ngày 07/03/2012 Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Q xử phạt Trần Văn S 03 năm tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2012. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 06/5/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại: anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã An D, huyện T, tỉnh B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Văn B, sinh năm 1963 (có mặt)

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh B;

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn S, xã Ng, huyện T, tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981(có mặt)

Nơi cư trú: thôn G, xã A, huyện T, tỉnh B;
- Ông Thân Văn L, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 01/12/2020, Trần Văn S - sinh năm 1979, ĐKHKT tại kh, phường H, thành phố M, tỉnh Q cùng Nguyễn Văn Th - sinh năm 1974, nơi cư trú thôn T, xã A, huyện T, tỉnh B và Nguyễn Văn H - sinh năm 1981 nơi cư trú tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh B làm thợ xây thi công cho gia đình ông Vũ Văn B - sinh năm 1963 tại thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Trong quá trình làm việc, S hỏi Th “Ở trên này có gái không?”, Th trả lời: “Gái thì nhiều”, S hỏi tiếp “có đất không?”, Th trả lời: “chỉ 200 nghìn thôi quan trọng là tiền bo nhưng phải bảo thằng H kia kìa”, S nói “nhiều tiền thế à, tiền phải để nuôi con”, Th và H nói: “thế chú không đủ đẳng cấp để chơi với bọn anh”. Sau đó, S rút điện thoại và nói gọi cho xã hội, nói chuyện được một lúc, S đưa máy cho Th nói chuyện với đầu dây bên kia, Th nói “anh em có gì đâu chỉ trêu nhau thôi”, sau đó tắt máy. Th nói với S “còn ai thì gọi thêm đông vào cho vui”, rồi Th và H tiếp tục quay mặt vào tường, quay lưng ra ngoài để trát cột nhà. S không nói gì mà đi vào trong bếp của gia đình ông B lấy 01 con dao chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn, lưỡi sắc dài 23cm, chỗ rộng nhất 07cm đi ra chỗ Th đang trát cột, S dùng tay phải lấy dao từ vạt áo ra đâm vào lưng Th theo hướng từ sau ra trước. Do bất ngờ và bị đau nên Th bỏ chạy ra bờ ao, S cầm dao đuổi theo đến cổng thì bị anh B chủ nhà và người xung quanh giữ lại, giật dao ra. Sau đó, S lên xe máy bỏ đi. Anh Th sau khi bị S dùng dao đâm được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B điều trị từ 01/12/2020 đến ngày 14/12/2020 thì ra viện.

Ngày 02/12/2020 ông Nguyễn Xuân G (bố đẻ Th) làm đơn trình báo đề nghị xử lý đối với S.

Cùng ngày 02/12/2020 Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ 01 con dao chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn, lưỡi sắc dài 23cm, chỗ rộng nhất 07cm, trên lưỡi bám dính chất màu nâu đỏ nghi là máu, phần chuôi gỗ dài 12,5cm.

Tại Giấy chứng nhận thương tích ngày 14/12/2020 Bệnh viện đa khoa tỉnh B xác định Nguyễn Văn Th có các thương tích sau: Đau toàn ổ bụng; Bụng chướng, phản ứng thành bụng (+); Vùng mạn sườn lưng bên trái trên đường nách sau có vết thương thấu bụng: vết thương phúc mạc thành sau, vết thương đứt đôi tuyến thượng thận bên trái, vết thương đuôi tụy, vết thương cực trên lách, vết thương thủng mặt sau dạ dày.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 9790/20/TgT ngày 06/01/2021 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B, kết luận: 1. Dấu hiệu chính qua giám định: Thương tích vết sọc vùng lưng trái + Vết sọc mỗ hình chữ Y

vùng bụng + 01 vết sẹo dẫn lưu thành bụng trái + 02 vết sẹo dẫn lưu hố chậu trái +
Trình tự phẫu thuật/thủ thuật: Rạch da dài ~20cm theo đường trắng giữa trên rốn
kéo dài qua rốn vào ổ bụng có khoảng 1000ml máu không đông, hút hết máu kiểm
tra vết thương thủng phúc mạc thành sau bên trái xuyên đuôi tụy, vết thương cực
trên lách kích ~2cm đến mặt sau dạ dày, vết thương dạ dày kích thước ~ 03cm:
66%.

2. Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư
số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do
thương tích gây nên hiện tại là: 66% (Sáu sáu phần trăm).

3. Kết luận khác: Vật, cơ chế, chiều hướng gây thương tích: Các thương tích
do vật sắc gây nên, không xác định được chiều hướng gây thương tích. Vật gửi
giám định gây được thương tích cho anh Nguyễn Văn Th. Trong giám định pháp y
không sử dụng thuật ngữ “cố tật” mà chỉ xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ
thể do di chứng vết thương, chấn thương gây ra tại thời điểm giám định. Giám định
thương tích trong thông tư, số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế
không có mục đánh giá thẩm mỹ.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 45/21/TC-AND ngày
06/01/2021 của Viện pháp y quốc gia kết luận: thử định tính phát hiện nhanh vết
máu người trên con dao gửi giám định: Dương tính. ADN thu từ con dao gửi giám
định trùng khớp hoàn toàn với ADN của Nguyễn Văn Th.

Trần Văn S sau khi thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Th đã bỏ trốn
về tỉnh Q. Ngày 02/02/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định
truy nã đối với Trần Văn S. Đến ngày 06/5/2021 Trần Văn S đến Công an huyện T
đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mục đích S dùng dao đâm
anh Th để cảnh cáo anh Th chứ không nhằm tước đi mạng sống của anh Th, S chỉ
đâm 1 nhát với lực trung bình sau đó dừng lại.

Quá trình điều tra anh Trần Văn N, sinh năm 1992 ở thôn S, xã Ng, huyện T
giao nộp cho Cơ quan điều tra tài liệu liên quan đến quá trình điều trị tại Khoa
phẫu thuật thần kinh của Trần Văn S tại Bệnh viện V. Cơ quan điều tra quyết định
trưng cầu giám định tâm thần và khả năng nhận thức và điều khiển hành vi đối với
Trần Văn S.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 81/KLGĐ ngày 12/7/2021 Trung
tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía bắc kết luận: Trần Văn S không bị
bệnh tâm thần. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 01/12/2020 Trần
Văn S không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện
tại Trần Văn S không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành
vi.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 14/9/2021 của Viện kiểm sát huyện T,
tỉnh B đã truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d
khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo
trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản

1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “ Cố ý gây thương tích”, xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 9 năm đến 9 năm 6 tháng tù Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo S phải bồi thường cho anh Th số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo S thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì.

Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Văn Th trình bày: ngày 01/12/2020, bị cáo S đã gây thương tích cho anh. Sau khi gây thương tích, gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho anh số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay, anh yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho anh số tiền 10.000.000 đồng, ngoài ra anh không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn N trình bày: anh là anh em cùng cha khác mẹ với bị cáo S. Sau khi bị cáo S gây thương tích cho anh Th, bị cáo đã tác động anh để bồi thường cho anh Th số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền đã bồi thường cho anh Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn B trình bày: bị cáo S, anh Th, anh H là thợ xây dựng nhà cho gia đình ông. Ngày 01/12/2020 do bị cáo S và anh Th có trêu nhau và S đã gây thương tích cho anh Th. Con dao S dùng để đâm anh Th là tài sản của gia đình ông, đến nay ông không yêu cầu xin lại con dao đã bị cơ quan thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà V và người làm chứng ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/12/2020 tại

gia đình ông Vũ Văn B ở thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh B, Trần Văn S - sinh năm 1979, nơi ĐKKHKT: kh, phường H, thành phố M, tỉnh Q đã thực hiện hành vi dùng 01 con dao chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn, lưỡi sắc dài 23cm, chỗ rộng nhất 07cm đâm một nhát từ phía sau trúng vào vùng lưng trái của anh Nguyễn Văn Th - sinh năm 1974 - trú tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh B. Hậu quả làm anh Th bị tổn thương 66% sức khỏe.

Hành vi nêu trên của Trần Văn S đã phạm tội “ Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đối với bị cáo như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có nhân thân không tốt.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: tại bản án số 26/2012/HSST ngày 07/03/2012 Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Q xử phạt Trần Văn S 03 năm tù, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2012. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến công an đầu thú và đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, anh Trần Văn N, sinh năm 1992 ở thôn S, xã Ng, huyện T (N là anh em cùng cha khác mẹ với bị cáo Trần Văn S) đã chủ động đến thăm gặp và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại Nguyễn Văn Th số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Đến nay, anh Th tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo S chấp nhận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Th nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Th số tiền 10.000.000 đồng.

Số tiền anh Trần Văn N bồi thường cho gia đình anh Th, đến nay anh N không yêu cầu bị cáo S phải trả lại cho anh số tiền 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 con dao chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, đầu nhọn, lưỡi sắc dài 23cm, chỗ rộng nhất 07cmn là công cụ bị cáo S dùng vào việc phạm tội, quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông Vũ Văn B và bà Hoàng Thị V. Tại phiên tòa ông B không yêu cầu xin lại con dao trên nên Hội đồng xét xử cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 590 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “ Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn S 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn).

3. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao chuôi gỗ, lưỡi bằng kim loại, một đầu nhọn, một cạnh sắc, lưỡi dao dài 23cm, chỗ rộng nhất 07cm, chuôi gỗ hình trụ dài 12,5cm. Được niêm phong theo quy định.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Oanh